TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số:13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 4 - 2024
V/v: không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Thịnh;
2. Bà Lê Thị Nhung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phùng Thị Tố Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Minh – kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023, về việc *không công nhận là vợ chồng*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/4/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đặng Đình C, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn X Q, xã Th C, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Thôn X Q, xã Th C, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt anh C, chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2021, bản tự khai ngày 19/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đặng Đình C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H về chung sống với nhau và sau đó tổ chức cưới hỏi theo phong tục đại phương từ tháng 9 năm 2009 nhưng không đến UBND để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống, anh và chị H sống hòa thuận được 10 năm đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, mỗi lần cãi nhau chị H thường xúc phạm anh và bố mẹ anh. Vợ chồng chung sống một nhà nhưng không có tình cảm,

không quan tâm đến nhau. Nay anh C xác định không còn tình cảm gì với chị H, nên anh C đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị H là vợ chồng.

Về con chung: Anh C khai anh và chị H có 04 con chung là cháu Đặng Lê N B sinh ngày 13/09/2010, cháu Đặng Lê N A sinh ngày 26/05/2012, cháu Đặng Lê Ng A sinh ngày 03/8/2016 và cháu Đặng Đình Đ D sinh ngày 13/01/2020. có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 2 con chung là cháu Đặng Lê Ng A và cháu Đặng Đình Đ D, để cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là cháu Đặng Lê N B và cháu Đặng Lê N A Nếu như cô Hải muốn nuôi cả 4 cháu thì tôi cũng đồng ý nhưng tôi chỉ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh C lại thay đổi quan điểm về con chung, anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Đặng là Ng A và cháu Đặng Đình Đ D, giao cháu Đặng Lê N A và Đặng Lê Như Bặng cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản và công nợ: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/12/2023 và quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh Đặng Đình C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục đại phương nhưng không đến UBND để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị và anh C về chung sống với nhau từ tháng 9 năm 2009. Sau khi về chung sống với nhau anh chị chung sống hòa thuận được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm, anh C đi ra ngoài có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác và còn bạo hành gia đình với chị và 2 con là cháu Đặng Lê N B và Đặng Lê N A. Anh C đã đi ra ngoài sinh sống và không chăm lo cho các con. Anh C trong mấy năm qua đang được hưởng chế độ thần kinh được nhà nước nuôi. Nay anh C làm đơn khởi kiện không công nhận vợ chồng chị H không đồng ý ly hôn, để vợ chồng chị về đăng kí kết hôn lại.

Về con chung: Chị Lê Thị H trình bày vợ chồng có 04 con chung là cháu Đặng Lê N B sinh ngày 13/09/2010, cháu Đặng Lê N A sinh ngày 26/05/2012, cháu Đặng Lê Ng A sinh ngày 03/8/2016 và cháu Đặng Đình Đ D sinh ngày 13/01/2020. Nếu ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 4 cháu, chị H yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 4 triệu cho 2 cháu, còn 2 cháu chị H không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị H là vợ chồng. Về con chung anh đề nghị Tòa án giao cháu Đặng Lê Ng A sinh ngày 03/8/2016 và cháu Đặng Đình Đ D sinh ngày 13/01/2020 cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đặng Lê N B sinh ngày 13/09/2010, cháu Đặng Lê N A sinh ngày 26/05/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Lê Thị H vẫn giữ quan điểm như trong quá trình giải quyết

vụ án, chị không đồng ý ly hôn với anh C, chị đề nghị để vợ chồng chị về đăng ký kết hôn; Về con chung: chị H trình bày chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chung là cháu Đặng Lê N B sinh ngày 13/09/2010, cháu Đặng Lê N A sinh ngày 26/05/2012, cháu Đặng Lê Ng A sinh ngày 03/8/2016 và cháu Đặng Đình Đ D sinh ngày 13/01/2020, chị H yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 4 triệu cho 2 cháu, còn 2 cháu chị H không yêu cầu cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thự ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 14, Khoản 2, Điều 53; Điều 15; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đặng Đình C và chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Đề nghị giao cháu Đặng Lê N B sinh ngày 13/09/2010, cháu Đặng Lê N A sinh ngày 26/05/2012 và cháu Đặng Đình Đ D sinh ngày 13/01/2020 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Lê Ng A sinh ngày 03/8/2016. Anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)

3. Về án phí: Anh Đặng Đình C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Anh Đặng Đình C khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa anh và chị Lê Thị H, chị H có hộ khẩu và nơi cứ trú tại Thôn X Q, xã Th C, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

[2]. Về hôn nhân: Anh Đặng Đình C và chị Lê Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 9/2009, nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày 29/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã xác minh tại UBND xã và việc này được chính quyền địa phương nơi cư trú của anh C, chị H xác nhận anh Đặng Đình C và Chị Lê Thị H không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã, anh C cũng không xin giấy giới thiệu để đăng ký kết hôn ở đâu. Theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì giữa anh C và chị H sống chung với nhau

như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình giải quyết vụ án và trong đơn xin xét xử vắng mặt anh C có đơn đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa anh và chị H, cần áp dụng các quy định Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đặng Đình C và chị Lê Thị H.

[3]. Về con chung: Anh Đặng Đình C và chị Lê Thị H đều thừa nhận anh chị có 04 con chung là là cháu Đặng Lê N B sinh ngày 13/09/2010, cháu Đặng Lê N A sinh ngày 26/05/2012, cháu Đặng Lê Ng A sinh ngày 03/8/2016 và cháu Đặng Đình Đ D sinh ngày 13/01/2020. Anh C đã xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu N B, N A, Ng A và Đ D đều có ghi họ tên bố là anh Đặng Đình C, mẹ là chị Lê Thị H; Như vậy đủ cơ sở khẳng định các cháu N B, N A, Ng A và Đ D là con chung của anh C, chị H. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 4 cháu, chị H yêu cầu anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị đối với 2 cháu mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/cháu, tổng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng. Anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung là cháu Ng A và cháu Đ D, còng giao 02 cháu N B và N A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của người làm cha mẹ, anh C, chị H có nguyện vọng được nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên cần xét đến điều kiện vật chất, tinh thần và nguyện vọng của các cháu. Tại bản tự khai ngày 05/4/2024 cháu Đặng Lê N B và Đặng Lê N A có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, cháu Đặng Lê Ng A lại có nguyện vọng muốn được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Tại phiên tòa anh C và chị H đều trình bày cả hai đều đang làm công ty thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi con. Chị H trình bày lâu nay anh C không phụ giúp gì cho chị H chị vẫn nuôi được cả 04 cháu. Hội đồng xét xử xét thấy anh C đi làm công ty có thu nhập ổn định nên cũng có khả năng nuôi con, mặt khác cháu Đặng Lê Ng A có nguyện vọng được ở với anh C, tuy nhiên cháu Đặng Đình Đ D còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, nghĩ nên giao cháu Đặng Đình Đ D cho chị H là phù hợp. Vì vậy căn cứ vào nguyện vọng của các bên và của con, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Đặng Lê N B sinh ngày 13/09/2010, cháu Đặng Lê N A sinh ngày 26/05/2012 và cháu Đặng Đình Đ D sinh ngày 13/01/2020 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Đặng Lê Ng A sinh ngày 03/8/2016 cho anh Đặng Đình C trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là phù hợp.

[4]. Về tài sản: Anh C, chị H không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; điều 271; điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 15; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đặng Đình C và chị Lê Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Đặng Lê N B sinh ngày 13/09/2010, cháu Đặng Lê N A sinh ngày 26/05/2012 và cháu Đặng Đình Đ D sinh ngày 13/01/2020 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Đặng Lê Ng A sinh ngày 03/8/2016 cho anh Đặng Đình C trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2024 cho đến khi cháu Đặng Đình Đ D đủ 18 tuổi.

Anh C, chị H có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Anh Đặng Đình C phải chịu tiền án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* anh C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001754 ngày 07/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa. Anh Đặng Đình C là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy anh C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh C, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Thiệu Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Thi hành án dân sự (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạt